

Bản án số: **07/2018/HS-ST**

Ngày: **23-3-2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 23 tháng **3** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm **công khai** vụ án hình sự thụ lý số: **02/2018/TLST-HS** ngày **26** tháng **01** năm **2018** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **05/2018/QĐXXST-HS** ngày **01** tháng **3** năm **2018** đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1978, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà Đ; có **vợ và 03** con; tiền án, tiền sự: chưa có; **nhân thân: Đây là lần đầu tiên bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật;** bị bắt, tạm giam ngày 29 tháng 12 năm 2017; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Ngọc T, Luật sư của Văn phòng luật sư Ngọc T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp bào chữa cho Trần Văn H; có mặt.

- Bị hại: Trần Thị H1, sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **có mặt.**

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Nguyễn Thị L, Lê Thị T1, Trần Văn B, Trần Thị Ngọc M, Trần Văn N, Nguyễn Thị N1, Huỳnh Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2017, H nảy sinh ý định hiếp dâm chị Trần Thị H1, là thím dâu của H, ở gần nhà. H đi vào nhà chị H1, nhà không có cửa và đang tắt đèn, khi đến gần mừng chị H1 đang ngủ thì chị H1 thức giấc và hỏi: “H hả H”. H trả lời: “Con H đây”. Chị H1 ra khỏi mừng đi về hướng nhà bếp cắm chui đèn điện. H đi theo rút chui điện ra cho đèn tắt và nói: “Thím út cho con đến với thím 01 cái”. Chị H1 van xin và nói: “Đừng làm vậy, cần tiền thì thím út cho tiền sai”. H kêu chị H1 cho tiền. Chị H1 móc trong túi áo ra đưa cho H 180.000đ. H lấy tiền để vào túi quần và tiếp tục đến gần chị H1 chỉ vào mặt và nói: “Bà im, bà la lên con Linh nó nghe được tôi cắt cổ bà”. Vì sợ H nên chị H1 không la mà ngồi im. H xô chị H1 nằm ngã xuống ván, dùng hai tay cởi quần chị H1 ra khỏi chân và tự cởi quần của H. Sau đó, H nằm đè lên người chị H1, kêu chị H1 banh rộng hai chân ra. H cầm dương vật đang cương cứng đút vô âm hộ của chị H1. H đưa dương vật ra vào âm hộ của chị H1 nhiều lần khoảng 05 phút thì xuất tinh vào âm hộ của chị H1. Khi thực hiện xong hành vi hiếp dâm, H lên võng tại nhà chị H1 ngủ, còn chị H1 tự mặc quần và chạy đến nhà ông B, chị L kể lại sự việc và xin ngủ nhờ. Sáng ngày 04 tháng 10 năm 2017, chị H1 trình báo sự việc đến Công an xã A, huyện H. H hoàn toàn thừa nhận hành vi trên của mình.

Trong quá trình điều tra đã thu và tạm giữ các đồ vật sau:

- Cửa bị hại Trần Thị H1: 01 áo vải màu xanh, loại áo sát nách, cổ tròn, bên trong cổ áo có chữ “Diệu My” màu trắng, nền vải màu đen, phía trước có gắn hạt xoàn, hai bên vai áo mỗi bên có gắn 03 nút màu vàng; 01 quần đùi vải thun bông trắng đen, hai bên có túi, đáy quần có một vết màu nâu đỏ nghi là máu và tinh dịch; 01 quần dài vải thun màu đen, trước đùi có hai túi, hai bên ống quần có hình logo hãng xe Mercedes; 01 quần lót màu hồng, dưới đáy quần có vết màu nâu đen nghi là máu và tinh dịch; 01 con dao bằng kim loại màu đen, chiều dài từ cán dao đến mũi dao là 27cm (trong đó cán dao bằng gỗ dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm), nơi rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, nơi hẹp nhất của dao là 1,5cm, trọng lượng dao là 100 gam.

- Cửa bị cáo Trần Văn H: 01 tờ giấy bạc mệnh giá 20.000đ; 03 tờ giấy bạc mệnh giá 10.000đ; 01 tờ giấy bạc mệnh giá 5.000đ; 08 tờ giấy bạc mệnh giá 2.000đ; 02 tờ vé số có số 687863 và 669021 cùng ngày 04/01/2017; 01 cái áo thun (loại 03 lỗ) màu xanh, bên trái trước ngực có chữ “GKGLAVINPEIN”; 01 cái quần lót màu xanh đen, lưng thun có dòng chữ “EARUNDERWEAR”; 01 cái quần jean màu xanh.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 81/TD-TTPY ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận: Trần Thị H1 âm hộ không tổn thương; màng trinh dẫn rộng, có 04 vết rách cũ, vị trí 03 giờ, 06 giờ, 08 giờ, 10 giờ.

Tại Kết luận số 3379/C45B ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Trên mẫu nghi là tinh dịch của đối tượng để lại hiện trường và quần đùi gửi giám định đều có xác tinh trùng người. Phân tích gen (ADN) từ các mẫu tinh trùng này đều được kiểu gen trùng với kiểu gen của Trần Văn H.

- Không phát hiện xác tinh trùng người hoặc gen trùng kiểu gen của Trần Văn H trên quần lót và áo thun 03 lỗ gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 155/2017/KLGĐTC ngày 05 tháng 12 năm 2017 và Công văn số 155.0/PYTT ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Trần Văn H, như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3 – ICD10), giai đoạn thuyên giảm.

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

- Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đang sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do bệnh lý tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSHN ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố cũng như tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 111 của Bộ luật hình sự năm 1999, nay được quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 02 năm đến 03 năm tù; về dân sự: công nhận sự thỏa thuận, bị cáo bồi thường cho bị hại 30.000.000đ; về vật chứng: đề nghị áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Trả lại 71.000đ và 02 vé số cho bị cáo Trần Văn H, vì không liên quan đến vụ án; tịch thu tiêu hủy toàn bộ số đồ vật còn lại đã thu giữ của bị hại H1 và của bị cáo H, do bị cáo và bị hại đề nghị Tòa án tiêu hủy chứ không nhận lại.

Bị hại Trần Thị H1 trình bày lời buộc tội: Yêu cầu xử bị cáo có tội theo quy định của pháp luật hình sự và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Viện kiểm sát truy tố là phù hợp pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xét về nhân thân của bị cáo là nhân dân lao động, hộ nghèo, không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, cha có công cách mạng, hạn chế nhận thức hành vi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn H: Đã biết lỗi, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về lo làm ăn bồi thường thiệt hại và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập người làm chứng, nhưng chỉ có 02 người làm chứng có mặt, việc vắng mặt của những người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án và họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình, không bị ép buộc; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án: Bị cáo Trần Văn H có bệnh lý tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo các kết luận giám định pháp y tâm thần nêu ở phần trên.

[4] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H hoàn toàn khai nhận việc thực hiện hành vi của mình đối với chị H1 như phần nội dung vụ án đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của bị hại H1, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét, đánh giá tại phiên tòa. Cụ thể, bị cáo H đã lợi dụng lúc nửa đêm, chị H1 ngủ ở nhà một mình, thì bị cáo đi vào đòi quan hệ tình dục với chị H1 và dùng lời lẽ đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần của chị H1. Từ đó, chị H1 sợ không dám la hoặc chống cự, để cho bị cáo H thực hiện hoàn thành hành vi giao cấu trái với ý muốn của bị hại. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội “Hiếp dâm” quy định tại khoản 1 Điều 111 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Khoản 1 Điều 111 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

[6] Bị cáo Trần Văn H nhận thức được việc thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của người khác là vi phạm pháp luật, trong khi chị H1 đã hết lời van xin và thậm chí đã cho tiền để bị cáo đừng thực hiện hành vi giao cấu, nhưng bị cáo H vẫn bất chấp và cố ý thực hiện đến cùng, thể hiện bản chất xem thường pháp luật. Hành vi ấy chẳng những nguy hiểm cho xã hội, gây hoang man lo sợ trong

quần chúng nhân dân, mà còn vi phạm luân thường đạo lý, vì chị H1 là thím dâu, vợ của chú ruột bị cáo, chỉ vì dục vọng mà bị cáo bất chấp tất cả giao cấu cho bằng được để thỏa dục vọng thấp hèn của mình. Từ đó nghĩ cần phải có hình thức xử lý tương ứng với hành vi của bị cáo là phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thấy được lỗi lầm và sửa chữa trở thành con người tốt có ích cho gia đình, xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đã có ý thức thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân có bệnh lý tâm thần nên hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; có cha ruột tên N là người có công với cách mạng; bị cáo đang trong thời kỳ điều trị bệnh và nuôi hai con nhỏ nên áp dụng điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ và xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Đề nghị của Kiểm sát viên và lời bào chữa của Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng và đồ vật đã thu giữ: Kiểm sát viên đề nghị là hoàn toàn phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

[10] Chị H1 với bị cáo H đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 30.000.000đ (trong đó bồi thường về tổn thất tinh thần là 15.000.000đ, về danh dự là 15.000.000đ). Tại phiên tòa, chị H1, bị cáo H không thay đổi ý kiến và cùng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa chị H1 với bị cáo H là tự nguyện phù hợp với pháp luật, nên công nhận.

[11] Đối với số tiền 180.000đ, chị H1 đồng ý đã cho bị cáo H, không yêu cầu đòi lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí để buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 111, các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; các Điều 106, 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H, phạm tội “Hiếp dâm”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 29 tháng 12 năm 2017.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 áo vải màu xanh, loại áo sát nách, cổ tròn, bên trong cổ áo có chữ “Diệu My” màu trắng, nền vải màu đen, phía trước có gắn hạt xoàn, hai bên vai áo mỗi bên có gắn 03 nút màu vàng; 01 quần đùi vải thun bông trắng đen, hai bên có túi, đáy quần có một vết màu nâu đỏ nghi là máu và tinh dịch; 01 quần dài vải thun màu đen, trước đùi có hai túi, hai bên ống quần có hình logo hãng xe Mercedes; 01 quần lót màu hồng, dưới đáy quần có vết màu nâu đen nghi là máu và tinh dịch; 01 con dao bằng kim loại màu đen, chiều dài từ cán dao đến mũi dao là 27cm (trong đó cán dao bằng gỗ dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm), nơi rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, nơi hẹp nhất của dao là 1,5cm, trọng lượng dao là 100 gam (của chị Trần Thị H1, đều đã qua sử dụng).

- 02 tờ vé số có số 687863 và 669021 cùng ngày 04/01/2017; 01 cái áo thun (loại 03 lỗ) màu xanh, bên trái trước ngực có chữ “GKGLAVINPEIN”; 01 cái quần lót màu xanh đen, lưng thun có dòng chữ “EARUNDERWEAR”; 01 cái quần jean màu xanh (của bị cáo Trần Văn H, đều đã qua sử dụng).

3.2. Trả lại cho bị cáo Trần Văn H 71.000đ (Bảy mươi một nghìn đồng).

Các vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự quản lý.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại của chị Trần Thị H1 với bị cáo Trần Văn H.

Bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Trần Thị H1 tổng số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

(Trong đó: bồi thường về tổn thất tinh thần là 15.000.000đ, bồi thường về danh dự là 15.000.000đ.)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/3/2018).

7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người bào chữa;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú